|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG THPT **TỔ: NGỮ VĂN** *(Đáp án gồm 03 trang)* | **ĐÁP ÁN BÀI KIỂM TRA GIỮA KÌ I****NĂM HỌC 2023 - 2024****Môn: Ngữ Văn, lớp 10** |

**ĐỀ DỰ BỊ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **4,0** |
|  | 1 | Phương thức biểu đạt chính: Tự sự | 0,5 |
|  | 2 | - Ngôi kể thứ ba- Theo văn bản, nhân vật Nữ Oa cảm thấy buồn chán, cô độc nên đã tạo ra loài người để cho thế giới này thêm vui tươi, giàu sức sống bằng cách:*Bà nghĩ ngợi hồi lâu, rồi đến bên đầm nước, lấy bùn đất màu vàng bên bờ đầm, trộn nhuyễn với nước, mô phỏng theo hình dáng của mình in bóng trên mặt nước mà nặn thành đồ vật xinh xắn, đáng yêu. Lạ thay, vừa đặt xuống mặt đất, đồ vật xinh xắn ấy bỗng dưng có sức sống, cất tiếng nói trong trẻo, nhảy múa, vui đùa. Đồ vật xinh xắn ấy gọi là “Người”.* | 1,0 |
|  | 3 | - Biện pháp tu từ liệt kê: *nghĩ ngợi hồi lâu, rồi đến bên đầm nước, lấy bùn đất màu vàng, trộn nhuyễn với nước, mô phỏng theo hình dáng của mình in bóng trên mặt nước mà nặn thành đồ vật.*- Tác dụng: + Làm cho đoạn văn hay hơn, sinh động hơn, hấp dẫn hơn.+ Nhấn mạnh những công việc của Nữ Oa tạo ra loài người. Từ đó ta thấy được Nữ Oa hội tụ cả vẻ đẹp sức mạnh và trí tuệ.  | 1,0 |
|  | 4 | - Các chi tiết kì ảo, hoang đường trong truyện: Nữ Oa tạo ra con người biết vui đùa, cười nói, bằng cách nhào nặn bùn đất hòa nhuyễn với nước mô phỏng lại hình dáng của mình.- Vai trò của các chi tiết hoang đường, kì ảo trong truyện: Cho thấy trí tưởng tượng của tác giả dân gian, của người xưa trong thuở sơ khai lập địa về thế giới tự nhiên, con người rất phong phú, họ có khát vọng muốn sáng tạo thế giới, vũ trụ.***Hướng dẫn chấm:****- Học sinh trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm**- Học sinh trả lời đúng một ý: 0,5 điểm**- Học sinh trả lời có nội dung phù hợp nhưng diễn đạt chưa tốt: 0,25 điểm**- Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm****\*Lưu ý:*** *Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục, diễn đạt nhiều cách miễn hợp lí là chấp nhận được.* | 1,0 |
|  | 5 | - Học sinh nêu được chi tiết trong văn bản- Có cách lí giải hợp lí, lập luận chặt chẽ, thuyết phục*Hướng dẫn chấm**- Học sinh trả lời đầỳ đủ rõ ràng hợp lí: 1.0 điểm**- Học sinh hiểu nhưng lí giải chưa rõ ràng, chưa đầy đủ:.0.5 điểm.**- Học sinh trả lời chung chung, chưa thuyết phục: 0.25 điểm* | 0,5 |
| **II** |  | **VIẾT** | **6,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận*Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề. | 0,5 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.**Vai trò của việc sống có khát vọng.*****Hướng dẫn chấm:****- Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0,25 điểm.**- Học sinh xác định chưa đúng vấn đề cần nghị luận: 0,0 điểm.* | 0,5 |
|  | *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần giới thiệu được vấn đề cần bàn luận, nêu rõ lí do và quan điểm của bản thân, hệ thống luận điểm chặt chẽ, lập luận thuyết phục, sử dụng dẫn chứng thuyết phục.Sau đây là một hướng gợi ý:**I. Mở bài:** Dẫn dắt và giới thiệu vấn đề cần bàn luận (vai trò của *“Khát vọng”*). **II. Thân bài:** ***1. Giải thích:*** “*Khát vọng*” và vai trò của *“Khát vọng”* đối với mỗi người. - Khát vọng là mong muốn những điều lớn lao, tốt đẹp trong cuộc sống, biểu tượng cho những gì lớn lao, tốt đẹp mà con người ta hướng đến cho bản thân và cho cộng đồng.- Khát vọng có giá trị vì nó là những điều mà chúng tta nên hướng đến để đạt được giá trị của cuộc sống***2. Phân tích, bàn luận, chứng minh:*** con người có cần hay không cần sống có *“Khát vọng”* và có lí giải hợp lí; có ví dụ minh hoạ. - Khát vọng là biểu hiện tích cực của tâm lý con người, thể hiện giá trị cao đẹp của con người.- Những người có khát vọng sống có trái tim say mê, luôn sống hết mình để giúp đỡ mọi người và nhận thức được lợi hại trong cuộc sống.- Khát vọng thúc đẩy con người nỗ lực và tỉnh táo tránh được những rủi ro không đáng có.- Khát vọng mang đến sự lạc quan nhất định và hướng đến những điều tốt đẹp nhất cho nhân loại, dù có thực hiện được hay không.***3. Phản đề:*** - Phê phán một số người không có khát vọng trong cuộc sống ...***4. Bài học:***- Liên hệ bản thân và rút ra bài học về nhận thức và hành động. **III. Kết bài:** Khẳng định lại vấn đề đã bàn luận. | 4,0 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,5 |
|  |  | *e. Sáng* tạo:    Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ, sáng tạo. | 0,5 |
| **I + II** |  |  | **10** |